

Soạn bài: Tổng kết phần văn (tiếp theo)

Soạn bài: Tổng kết phần văn (tiếp theo)

Câu 3: Qua các văn bản trong bài 22, 23, 24, 25, 26, có thể thấy:

- Văn nghị luận là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng hoặc một quan điểm nào đó. Văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, lí lẽ (luận cứ) và dẫn chứng (luận chứng) thuyết phục.
- Văn nghị luận trung đại (các văn bản trong bài 22, 23, 24, 25) so với văn nghị luận hiện đại (văn bản bài 26 và các văn bản nghị luận đã học ở lớp 7) có những nét khác biệt: các văn bản nghị luận trung đại (trong bài 22, 23, 24, 25) thể hiện văn phong cổ, từ ngữ cổ, nhiều điển tích, điển cố, hình ảnh giàu tính ước lệ, câu văn biến ngẫu sóng đôi nhịp nhàng. Văn nghị luận trung đại còn mang đậm dấu ấn của thế giới quan con người trung đại (tư tưởng "thiên mệnh" trong bài Chiếu dời đô, đạo "thần chủ" trong bài *Hịch tướng sĩ*, lí tưởng nhân nghĩa trong bài *Nước Đại Việt ta*, tâm lí sùng cổ).
- Văn nghị luận hiện đại diễn đạt giản dị hơn, câu văn gần với đời thường.

Câu 4: Các văn bản nghị luận trung đại (trong các bài 22, 23, 24, 25) đều được viết có có lí, có tình, có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao:

- Có lí: có luận điểm xác đáng, luận cứ chặt chẽ.
- Có tình: có cảm xúc.
- Có chứng cứ: có sự thật hiển nhiên để khẳng định luận điểm.

Câu 5: Những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại của các văn bản trong bài 22, 23, 24:

- Giống nhau: Cả ba văn bản Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ và Nước Đại Việt ta đều thể hiện một tinh thần dân tộc sâu sắc, thể hiện ý chí tự cường. Tư tưởng yêu nước là gốc của sắc thái biểu cảm được thể hiện qua văn bản.

- Khác nhau:

- Chiếu dời đô: Thể hiện ý chí tự cường của một dân tộc đang lớn

mạnh.

- Hịch tướng sĩ: Tinh thần quyết chiến, quyết thắng lũ giặc bạo tàn.
- Nước Đại Việt ta: Ý thức sâu sắc, đầy tự hào về đất nước độc lập, có chủ quyền.

Câu 6:

Xem lại câu 3 bài soạn "**Nước Đại Việt ta**"